TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 11/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Lê Thanh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 11/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-DS ngày 19/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 22/02/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 14/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 04/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH; địa chỉ số 2, đường L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V là Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông P là Phó Giám đốc NH chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình (giấy ủy quyền ngày 01/11/2022); có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn N sinh ngày 16/5/1963; địa chỉ xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị T sinh ngày 08/7/1963; địa chỉ xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Phạm Văn T1 sinh ngày 03/01/1991; địa chỉ xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022, bản tự khai ngày 11/4/2023 và tại phiên tòa ông Phúc đại diện cho nguyên đơn trình bày: Ông N có vay vốn tại NH chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình; Phòng giao dịch khu vực K tại Hợp đồng tín dụng số 3306LAV202101144 ngày 16/3/2021 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ; hạn mức vay là 200.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức vay là 03

năm, kỳ hạn trả nợ gốc là kỳ 1 ngày 16/3/2022 trả gốc 60.000.000 đồng, kỳ 2 ngày 16/3/2023 trả gốc 60.000.000 đồng, kỳ 3 ngày 16/3/2024 trả gốc 80.000.000 đồng; lãi suất vay là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả là 5%/năm trên số lãi chậm trả và thời gian chậm trả, thời hạn trả lãi là trả lãi hằng tháng. Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18.58/HĐTC ngày 02/10/2018 tài sản thế chấp là 340 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 675 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã K, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 459346 ngày 07/5/1997 do UBND huyện Y cấp mang tên Phạm Văn N. Để thu hồi nợ, NH đã đôn đốc và nhiều lần làm việc yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết với NH, nên toàn bộ số tiền vay của ông N là 200.000.000 đồng đã chuyển sang nợ xấu. Đến nay ông N chưa trả được khoản tiền gốc và tiền lãi nào cho NH. NH đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông N phải trả cho NH chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình; tổng số tiền là 244.781.178 đồng gồm "Tiền vay là 200.000.000 đồng; tiền lãi là 44.781.178 đồng"; trong đó:

+) Lãi trong hạn: Từ ngày 16/3/2021 đến ngày 14/7/2021 là 121 ngày, lãi suất là 10,5%/năm [200.000.000 đồng x 10,5/100/365 x 121 = 6.961.644 đồng]. Từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 là 170 ngày, lãi suất là 9,5%/năm (Khoảng thời gian này NH giảm lãi suất nhằm hỗ trợ khách hàng thời gian Covid 19) [200.000.000 đồng x 9,5/100/365 x 170 = 8.849.315 đồng]. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 11/4/2023 là 466 ngày, lãi suất là 10,5%/năm [200.000.000 đồng x 10,5/100/365 x 466 = 26.810.959 đồng].

+) Lãi suất quá hạn: Gốc quá hạn là 60.000.000 đồng; từ ngày 17/3/2022 đến ngày 16/3/2023 là 365 ngày, lãi suất quá hạn là 3,15%/năm [60.000.000 đồng x 3,15%/100/365 x 365 = 1.890.000 đồng]. Gốc quá hạn là 120.000.000 đồng; từ ngày 17/3/2023 đến ngày 11/4/2023 là 26 ngày, lãi suất quá hạn là 3,15%/năm [120.000.000 đồng x 3,15%/100/365 x 26 = 269.260 đồng].

- Buộc ông N tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3306LAV202101144 ngày 16/3/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc cho NH;

- Nếu ông N không thực hiện nghĩa vụ hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì NH có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2023 bị đơn là ông N trình bày: Ngày 16/3/2021 ông N có vay của NH chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình; Phòng giao dịch K 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất là 0,9%/tháng. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ gia đình ông N có thế chấp tài sản là thửa đất số 657, tờ bản đồ số 02 diện tích là 340 m^2 và tài sản gắn liền với đất; địa chỉ tài sản tại xóm 4, xã K; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 459346 ngày 07/5/1997 mang tên Phạm Văn N. Đến nay ông N chưa trả tiền gốc và tiền lãi.

Đối với người liên quan là bà T và anh T1, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập và thông báo hợp lệ nhiều lần, nhưng bà T và anh T1 đều vắng mặt; nên không có lời khai của bà T và anh T1 trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; đã tiến hành thông báo, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn và người liên quan trong vụ án chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 293, 295, 298, 303, 317, 318, 322, 323, 326, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 3, 13 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký dịch vụ bảo đảm; Điều 33 của Thông tự liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT hướng dẫn việc đăng ký thế chấp với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH:

- Buộc ông N phải trả cho NH gồm tiền vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 44.781.178 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông N tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho NH.

- Nếu ông N không thực hiện nghĩa vụ hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì NH có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm 340 m^2 đất số thửa 675 tờ bản đồ số 02; địa chỉ tại xóm 4, xã K và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở mái bằng và công trình phụ gắn liền với đất. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ cho NH thì ông N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho NH và lãi phát sinh khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. NH phải chịu 500.000 đồng chi phí tố tụng về thẩm định tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

Về quan hệ pháp luật: NH khởi kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng, việc khởi kiện được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông N cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn là ông N; người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Tý và anh T1 đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 3, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà T và anh T1.

[2] **Về nội dung vụ án**:

2.1. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng:

Về việc vay tài sản: Theo đơn khởi kiên của NH, bản tự khai của ông N; Hợp đồng tín dụng và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ đề ngày 16/3/2021; thể hiện ngày 16/3/2021 ông N vay của NH chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình; Phòng giao dịch khu vực K số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất vay là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả là 5%/năm trên số lãi chậm trả và thời gian chậm trả. Thời hạn duy trì hạn mức vay là 03 năm, Tiền gốc trả làm 03 kỳ là ngày 16/3/2022 trả gốc 60.000.000 đồng, ngày 16/3/2023 trả gốc 60.000.000 đồng, ngày 16/3/2024 trả gốc 80.000.000 đồng; tiền lãi trả theo hằng tháng; khách hàng vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng mà không có biện pháp khắc phục khả thi được NH chấp nhận, thì NH có quyền thu hồi nợ trước hạn.

Về nghĩa vụ trả nợ: NH đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, thông báo đòi nợ và lập biên bản làm việc với ông N về vốn vay quá hạn, nhưng ông N không trả khoản tiền vay đến hạn và tiền lãi phát sinh cho NH theo thỏa thuận, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, NH có quyền thu hồi nợ trước hạn.

Về tiền lãi phát sinh: Theo yêu cầu của NH, tổng số tiền lãi ông N phải trả cho NH tính từ ngày vay 16/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/4/2023 với tổng số tiền là 44.781.178 đồng, trong đó:

- Lãi trong hạn: Từ ngày 16/3/2021 đến ngày 14/7/2021 là 121 ngày, lãi suất là 10,5%/năm [200.000.000 đồng x 10,5/100/365 x 121 = 6.961.644 đồng]. Từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 là 170 ngày, lãi suất là 9,5%/năm [200.000.000 đồng x 9,5/100/365 x 170 = 8.849.315 đồng]. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 11/4/2023 là 466 ngày, lãi suất là 10,5%/năm [200.000.000 đồng x 10,5/100/365 x 466 = 26.810.959 đồng].

- Lãi suất quá hạn: Gốc quá hạn là 60.000.000 đồng; từ ngày 17/3/2022 đến ngày 16/3/2023 là 365 ngày, lãi suất quá hạn là 3,15%/năm [60.000.000 đồng x 3,15%/100/365 x 365 = 1.890.000 đồng]. Gốc quá hạn là 120.000.000 đồng; từ ngày 17/3/2023 đến ngày 11/4/2023 là 26 ngày, lãi suất quá hạn là 3,15%/năm [120.000.000 đồng x 3,15%/100/365 x 26 = 269.260 đồng].

Từ phân tích nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH, buộc ông N phải trả cho NH chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình; gồm tiền vay là 200.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 44.781.178 đồng; tổng cả tiền vay và tiền lãi là 244.781.178 đồng.

2.2. Về tài sản bảo đảm: Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18.58/HĐTC ngày 02/10/2018, giấy ủy quyền ngày 28/11/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 21-58PLHĐTC ngày 16/3/2021; ông N, bà Tý và anh T1 đã thế chấp tài sản của mình là thửa đất số 675 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã K diện tích là 340 m^2 và tài sản gắn liền với đất gồm "nhà ở mái bằng và công trình phụ cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất"; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 459356 ngày 07/5/1997 do UBND huyện Y cấp ghi tên Phạm Văn N, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông N cho NH; các bên có đăng ký thế chấp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y ngày 02/10/2018. Việc thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông N với NH là hợp pháp.

Theo biên bản xem xét thẩm định tài sản ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y; tài sản của gia đình ông N, bà T và anh T1 gắn liền với đất gồm có "01 nhà ở mái bằng (ký hiệu I), 01 nhà chăn nuôi (ký hiệu II), 01 nhà lán lợp Proximang (ký hiệu III), 01 chuồng chăn nuôi (ký hiệu IV), sân bê tông (ký hiệu V), 01 cây dổi (ký hiệu 1), 02 cây bòng (ký hiệu 2 và 14), 02 cây nhãn (ký hiệu 3 và 4), 01 cây hồng xiêm (ký hiệu 5), 03 cây na (ký hiệu 6, 7 và 8), 01 cây trứng gà (ký hiệu 9), 04 cây cau (ký hiệu 10, 11, 12 và 13).

Chấp nhận yêu cầu của NH. Nếu ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên thì ông N, bà T và anh T1 có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản đã thế chấp nêu trên, để NH xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà ông N, bà T và anh T1 không thực hiện. NH có quyền yêu cầu ông N, bà T và anh T1 giao tài sản đó cho mình để xử lý khi ông N, bà T và anh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp ông N, bà T và anh T1 không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì NH có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[3] ***Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng***:

- Ông N trả cho NH tổng số tiền là 244.781.178 đồng, nên ông N phải chịu 12.239.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- NH, tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng về thẩm định tài sản, theo danh sách chi phí tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Y ngày 21/12/2022 với số tiền là 500.000 đồng.

- Hoàn lại cho NH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.828.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 317, khoản 1 và khoản 3 Điều 318, khoản 6 Điều 320, các khoản 5 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 25 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH, buộc ông Phạm Văn N phải trả cho NH chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình, số tiền như sau:

- Tiền gốc vay là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Tiền lãi vay là: 44.781.178 đồng (bốn mươi bốn triệu bảy trăm tám mốt nghìn một trăm bảy tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3306LAV202101144 ngày 16/3/2021 giữa NH chi nhánh huyện Y, nam Ninh Bình; Phòng giao dịch khu vực K với ông Phạm Văn N; cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho NH.

Nếu ông Phạm Văn N vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên; ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T1 có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp của mình là thửa đất số 675 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã K, diện tích là 340 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất gồm "01 nhà ở mái bằng, 01 nhà chăn nuôi, 01 nhà lán lợp Proximang, 01 chuồng chăn nuôi, 01 sân bê tông, 01 cây dổi, 02 cây bòng, 02 cây nhãn, 01 cây hồng xiêm, 03 cây na, 01 cây trứng gà, 04 cây cau"; địa chỉ tài sản tại xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 459356 ngày 07/5/1997 do UBND huyện Y cấp ghi tên chủ sử dụng đất là Phạm Văn N; để NH xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà ông N, bà T và anh T1 không thực hiện. NH có quyền yêu cầu ông N, bà T và anh T1 giao tài sản đó cho mình để xử lý khi ông N, bà T và anh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp ông N, bà T và anh T1 không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì NH có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Buộc ông Phạm Văn N phải chịu 12.239.000 đồng (mười hai triệu hai trăm ba chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- NH phải chịu 500.000 đồng chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm đinh tài sản thế chấp, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 2.000.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y. NH được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.500.000 đồng.

- Hoàn lại cho NH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.828.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005609 ngày 17/10/2022 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực